

Số: 07/CBTT-DVW

Đồng Nai, ngày 13 tháng 4 năm 2021



CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 1- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**
- 2- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 3- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- 4- Email: dvxcdn@yahoo.com.vn Website: www.dvxcdn.com
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Nguyên Thăng**
- 6- Điện thoại (di động): 0909385874 Email: lcnthang@gmail.com
- 7- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin (Lần 2) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai (tổ chức vào ngày 26/4/2021)

(Đính kèm Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/4/2021 tại Website: www.dvxcdn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Trưởng BKS;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lê Chí Nguyên Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-----oOo-----



TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Biên Hòa, tháng 4/2021

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2021

DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
 2. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
 3. Quy chế làm việc tại Đại hội;
 4. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2020.
 5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.
 6. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
 7. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020.
 8. Báo cáo kế hoạch kinh doanh năm 2021.
 9. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
 10. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020; Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2021.
 11. Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty ;
 12. Các dự thảo: Dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty ; Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
 13. Các biểu mẫu dùng trong Đại hội: Phiếu đăng ký tham dự/ Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Phiếu biểu quyết.
-

THÔNG BÁO MỜI HỌP

*V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai*

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty CP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian tổ chức Đại hội: 08h30 ngày 26/4/2021 – Thứ Hai.

2. Địa điểm: Tại Hội trường Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, số 52 - Đường Cách Mạng Tháng 8 - Phường Quyết Thắng - TP.Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

3. Chương trình Đại hội:

• **Đại hội Thảo luận và thông qua các nội dung sau:**

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2020.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.
- Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021.
- Thông qua kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020; Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2021.
- Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

4. Tài liệu phục vụ Đại hội:

Tài liệu họp Đại hội được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.dvxdcn.com ; mục: **Quan hệ cổ đông**. Tài liệu họp sẽ được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày **25/03/2021** do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

6. Xác nhận tham dự Đại hội:

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, căn cứ khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp “*Ủy quyền tham dự cho một người khác.../ , phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử*”. Vì vậy, trong trường hợp Quý cổ đông không thể đến tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu đính kèm hoặc lập thành văn bản ủy quyền theo quy định của Bộ luật dân sự 2015) cho người khác đến tham dự Đại hội hoặc xem xét thực hiện quyền của cổ đông như sau:

6.1 Ủy quyền cho Thành viên HĐQT gồm các Ông sau đây:

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Chiến Thắng | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Đặng Nguyễn Thanh An | - Thành viên HĐQT |

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

6.2 Hoặc Quý cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước giờ khai mạc Đại hội (Phiếu biểu quyết sau ngày khai mạc Đại hội sẽ không có giá trị)

6.3 Khi đến tham dự Đại hội đề nghị Quý cổ đông mang theo bản chính CMND/CCCD/hộ chiếu. Nếu là người được ủy quyền thì ngoài các giấy tờ trên phải mang theo Giấy ủy quyền bản chính (nếu Giấy ủy quyền chưa được gửi về Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai trước ngày khai mạc Đại hội).

Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội; và gửi Phiếu Đăng ký cổ đông dự Đại hội, Giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) đến trụ sở Công ty trước 03 ngày khai mạc Đại hội, theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- Số 52 - đường Cách mạng tháng 8 – P. Quyết Thắng – TP. Biên Hòa – T. Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3847241 - Fax: (0251) 3840797.

Cổ đông cần biết thêm chi tiết, liên hệ: Bà Nguyễn Thị Tân Hương-ĐT:0919 491 965
Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Thời gian: 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2021 (Thứ hai)

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai.
Số 52 - CMT8 – phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.

Thời gian	Nội dung
7h30 - 8h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.(<i>sát khuẩn và đo nhiệt độ</i>)- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu Đại hội.
8h30 - 9h00	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và Giới thiệu thành phần tham dự.- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.- Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và Thư ký Đại hội.- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu.- Thông qua Chương trình Đại hội.
9h00 -10h30	<p>Các báo cáo tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020.- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020. <p>Nội dung các Tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.- Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020.- Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021-Tờ trình thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.- Tờ trình quyết toán tiền lương thù lao HĐQT, BKS năm 2020; Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2021.- Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
10h30-10h50	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo và tờ trình do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình trước Đại hội.- Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết.
10h50 -11h00	<ul style="list-style-type: none">- Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội;- Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị Quyết;- Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày **25/03/2021** (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHCD) của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai;

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:



a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội thực hiện công tác phòng chống dịch COVID theo quy định, xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Một (01) **“Thẻ biểu quyết” màu xanh dương** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Thẻ này dùng để biểu quyết và thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

- Một (01) **“Phiếu biểu quyết” màu trắng** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội;

d) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung, câu hỏi, ý kiến vào giấy đề chuyển cho Ban Thư ký.

g) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

i) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

k) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

l) Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

m) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt máy;

n) Trường hợp Cổ đông hoặc người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cân trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

c) Trình dự thảo, kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6: Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm: kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dự họp theo danh sách Cổ đông đã chốt ngày 25/3/2021; phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử ra theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

SEHUB
CỘNG
HỘI
CỔ Đ
HỮU V
CẤP
ĐỒNG
N HỒI

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận phiếu hỏi, ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội;

b) Ban kiểm phiếu phải tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông báo kết quả cho Chủ tọa và Thư ký, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Xem xét và báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày **25/3/2021**.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;

- Cổ đông/hoặc đại diện ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 10 phút).

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở các ý kiến phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền, Chủ tọa hoặc cán bộ được chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc người được ủy quyền.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

b) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

c) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tọa đề biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến. Phương thức này được dùng để thông qua thành phần Ban bầu cử và kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội; các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

d) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu ký tên, ghi đầy đủ họ và tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ:

+ Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

+ Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có đóng dấu của Công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.



4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Phiếu biểu quyết và một (01) Thẻ biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 25/3/2021) tổng số cổ phần của Công ty là: **2.345.000** cổ phần tương đương với **2.345.000** quyền biểu quyết.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và, tổng hợp kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; phải được số đại biểu đại diện **từ 65%** tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp tán thành.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện **trên 50%** tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp tán thành.

Điều 12: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Điều 13: Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành.

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện **từ 33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 kết thúc.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT
ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT trong năm 2020 như sau:

A- BÁO CÁO QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2020

I- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 ; gồm có 03 (ba) thành viên :

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	- Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 515.900 CP (22 %)
2	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	- Sở hữu cá nhân: 139.664 CP (5,96 %)
3	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 100.450 CP (4,28 %)

(Số lượng cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 25/3/2021).

II- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2020.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự các họp HĐQT đầy đủ và theo đúng quy định; đã đóng góp những ý kiến thiết thực, hữu ích cho HĐQT; Thực

hiện và hoàn thành tốt vai trò trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và đột xuất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	03/2020/BB-HĐQT	20/4/2020	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
2	04/BB-HĐQT-DVW	28/4/2020	Thông qua đơn xin từ nhiệm Phó giám đốc Công ty, phân công nhiệm vụ TV.HĐQT Công ty, chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2019
3	05/BB-HĐQT-DVW	01/6/2020	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
4	06/BB-HĐQT-DVW	15/7/2020	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và đầu tư XDCB quý 2 năm 2020. Phương hướng nhiệm vụ SXKD và đầu tư XDCB quý 3 năm 2020
5	07/BB-HĐQT-DVW	26/10/2020	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD quý 3 năm 2020. Phương hướng nhiệm vụ SXKD quý 4 năm 2020
6	01/2021/BB-HĐQT-DVW	20/01/2021	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD quý 4 năm 2020. Dự thảo Quyết toán quỹ tiền lương người lao động, người quản lý Công ty năm 2020. Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021. Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021.

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định sáp nhập Tổ, Đội, Phân xưởng sản xuất trong Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
2	02/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
3	03/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%

4	04/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
5	01/2020/NQ-HĐQT	02/03/2020	Nghị quyết HĐQT v/v tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020	100%
6	02/2020/NQ-HĐQT	10/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v thông qua BCTC, kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.	100%
7	03/NQ-HĐQT-DVW	20/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
8	09/2020/NQ-ĐHĐCĐ	20/04/2020	Nghị quyết HĐQT Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
9	04/NQ-HĐQT-DVW	28/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
10	05/QĐ-HĐQT-DVW	28/04/2020	Quyết định v/v Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty	100%
11	05/NQ-HĐQT-DVW	29/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Ngày đăng ký cuối cùng chốt để trả cổ tức năm 2019	100%
12	06/NQ-HĐQT-DVW	04/05/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Phân công nhiệm vụ TVHĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023	100%
13	07/NQ - HĐQT-DVW	01/06/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
14	08/NQ - HĐQT-DVW	15/07/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả SXKD và đầu tư XDCB 06 tháng đầu năm 2020. Phương hướng nhiệm vụ SXKD và đầu tư XDCB 6 tháng cuối năm 2020	100%
15	09/NQ - HĐQT-DVW	26/10/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả nhiệm vụ SXKD Quý 3 năm 2020 và Phương hướng nhiệm vụ SXKD Quý 4 năm 2020	100%

3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Quy chế quản trị nội bộ công ty, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông, tuân thủ đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách công khai và minh bạch.

- Hàng quý HĐQT họp cùng Ban điều hành và người quản lý khác của công ty nắm bắt kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD và đề ra các giải pháp định hướng cho hoạt động của công ty gắn liền với định hướng phát triển KT-XH của địa phương và khu vực;

- Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch SXKD và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, Giám sát công tác quản trị doanh nghiệp và thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông và nghĩa vụ của công ty đại chúng.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã họp đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT, kết quả hoạt động SXKD của Công ty, xác định phương hướng nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện trong quý kế tiếp để Ban điều hành công ty thực hiện.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

- HĐQT giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty; Giám sát Công ty trong việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2020 và việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thông qua tình hình tài chính và tình hình hoạt động của Công ty HĐQT đã chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác của công ty kịp thời đề ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD theo đúng quy định của pháp luật.

III- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% So với KH
1	Tổng Doanh thu	đồng	41.650.000.000	48.998.718.759	117,64
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.100.000.000	6.152.098.973	120,63
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.410.000.000	5.617.101.451	127,37
4	Tỉ lệ chia cổ tức	%	12,00	12,00	100,00
5	Nộp Nhân sách NN	đồng	3.000.000.000	6.239.772.951	207,99

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm 2020.

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Ban giám đốc công ty đã bám sát kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, đã lãnh đạo CB.CNV Công ty thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, sản xuất kinh doanh năm 2020 theo đúng Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đã đề ra. Sản lượng nước sản xuất và cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng nước ăn uống sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế, đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định cho sản xuất sinh hoạt của các khu dân cư, các doanh nghiệp trên địa bàn Công ty phục vụ; Doanh thu lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch nghị quyết Đại hội đã đề ra, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ với cổ đông, nhà nước và người lao động. Thu nhập và đời sống của người lao động được cải thiện, an tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đại chúng theo đúng quy định của pháp luật và Luật chứng khoán. Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định. Công tác quan hệ với cổ đông được thực hiện công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử của Công ty. Các ý kiến góp ý của quý cổ đông được công ty tiếp thu và giải đáp thỏa đáng, đảm bảo quyền, lợi ích của cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm 2020. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra, Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền đã chi trả là: 4.690.000.000 đồng (tỉ lệ cổ tức 20%VĐL).

IV- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT NĂM 2020.

1. Cách khoản thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên HĐQT năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương năm 2020 (VNĐ)	Thù lao năm 2020 (VNĐ)
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 20/4/2020)	274.080.000	
2	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm 20/4/2020)		36.000.000
3	Đặng Trọng Thành	TV HĐQT (Miễn nhiệm 20/4/2020)		28.000.000
4	Trần Chiến Thắng	TV. HĐQT	420.000.000	84.000.000
5	Đặng Nguyễn Thanh An	TV. HĐQT (Bổ nhiệm 20/4/2020)		56.000.000
	Tổng cộng		694.080.000	204.000.000

- Tiền lương của HĐQT chuyên trách và thù lao HĐQT, BKS được công ty chi trả theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã đề ra.

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: Không

B- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021:

1. Phát huy tốt vai trò và trách nhiệm của từng thành viên HĐQT; Tập trung công tác chỉ đạo, giám sát Giám đốc và người quản lý khác của công ty thực hiện quản lý và điều hành hoạt động của công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Thực hiện soát xét sửa đổi bổ sung và ban hành các Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị doanh thu -chi phí, và các Quy chế khác có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT, để làm cơ sở giám sát, đánh giá việc quản lý, điều hành của Ban điều hành Công ty.

3. Tăng cường công tác giám sát các hoạt động của Công ty về giao nhận thầu xây lắp, sản xuất nước, công tác đầu tư XDCB, công tác chống thất thoát nước, cấp nước an toàn, việc sử dụng lao động, thực hiện chế độ, tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khác đối với người lao động.

4. Tổ chức họp giao ban Định kỳ hàng tháng, quý với Ban điều hành, Ban kiểm soát và những người quản lý khác của công ty qua đó đánh giá tình hình hoạt động SXKD và xây dựng các giải pháp, kế hoạch thực hiện có hiệu quả hơn. Chỉ đạo và xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh theo đúng thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5. Áp dụng các phần mềm công nghệ tiên tiến cho sản xuất, quản lý và điều hành Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp; Giám sát công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định.

6. Phát huy những kết quả SXKD đã đạt được năm 2020, khắc phục triệt để những hạn chế, nâng cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, sáng tạo của tập thể CB.CNV, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

7. Duy trì sự ổn định và phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực và thế mạnh của công ty để tăng doanh thu, lợi nhuận, cung cấp nước đầy đủ, an toàn, ổn định cho các khu dân cư, doanh nghiệp trên địa bàn Công ty phục vụ;

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT - BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được qui định tại Điều lệ Công ty.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai và kết quả kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2020 do Ban kiểm soát thực hiện.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

A- KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2020

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% so với KH
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	23.450	23.450	100%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	41.650	48.998,7	117,64%
	- Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	35.500	38.163,3	107,5 %
	- Doanh thu dịch vụ lắp đặt	Triệu đồng	6.000	9.283,8	154,7%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	150	1.223	
	- Doanh thu khác	Triệu đồng	-	328,6	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.100	6.152	120,6%
4	Các khoản phải nộp NS	Triệu đồng	3.000	6.239,8	208%
	Trong đó, Thuế TNDN	Triệu đồng	690	535	77,5%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.410	5.617,1	127,3%
6	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	12 %	15 %	125%

a) Về công tác lắp đặt đường ống:

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo các bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, các công trình lắp đặt hệ thống nước theo hợp đồng với khách hàng; BCT lắp đặt khách hàng 4 phường mà Công ty đang cung cấp nước..

- Thi công các công trình xây lắp với các đơn vị bên ngoài. Trong năm, đã hoàn thành các công trình có giá trị lớn như: tuyến ống cấp nước khu 67 ha Dự án Khu đô thị sân golf thể thao và du lịch sinh thái Long Thành tại Phước Tân, công trình tuyến ống cấp nước D150 đường vào trường tiểu học Phan Bội Châu- Phường Long Bình, tuyến ống cấp nước đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường nối Phan Đình Phùng- Cây tràm tại Phường Quang Vinh, TP Biên Hòa, hệ thống cấp nước đường số 4, số 7- Khu dân cư phía bắc Phường Thống Nhất.

- Tổng số bảng chiết tính thực hiện năm 2020 là: 3.306 BCT.
- Tổng doanh thu xây lắp năm 2020: 9.283.831.151 đồng.

b) Về công tác sản xuất nước:

Nhà máy nước Hoà An công suất 15.000m³/ngày hoạt động ổn định. Chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn của Bộ y tế.

- Tình hình sản xuất nước trong năm 2020 như sau:

+ Nhà máy xử lý nước Hoà An:

- ◆ Sản lượng nước sản xuất: 5.540.599 m³
- ◆ Sản lượng nước tiêu thụ: 4.557.313 m³
- ◆ Tỷ lệ thất thoát: 17,75 %
- ◆ Doanh thu năm 2020: 37.051.984.100 đồng

+ Trạm bơm nước thô Hoà An:

- ◆ Sản lượng nước sản xuất: 254.120 m³
- ◆ Sản lượng nước tiêu thụ : 246.952 m³
- ◆ Tỷ lệ thất thoát: 2,82 %
- ◆ Doanh thu năm 2020: 1.111.284.000 đồng

- Tình hình phát triển khách hàng trên địa bàn cấp nước (4 phường):

- ◆ Tổng số khách hàng vào nước mới năm 2020: 1.001 hộ khách hàng.
- ◆ Tổng số đồng hồ đầu nối đến 31/12/2020: 17.932 đồng hồ.

2- Công tác đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ:

Trong năm 2020, mua thiết bị phục vụ SXKD tổng giá trị: 37.600.000 đồng (Bộ ghi nhận dữ liệu LS- Flow cụm đồng hồ điện từ D400 nhà máy nước Hóa An). Quý 4/2020 đã thực hiện lắp đồng hồ điện trạm bơm nước thô cấp nước cho Công ty Pouchen và lắp đặt data logue đồng hồ D400 tại Nhà máy nước Hóa An.

Việc đầu tư TSCĐ thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

3- Quản lý doanh thu và Nợ phải thu:

3.1. Tình hình sản lượng doanh thu theo báo cáo chuẩn thu tiền nước đến 31/12 như sau:

ST T	Đối tượng KH	NĂM 2019		NĂM 2020		Tỷ lệ tăng trưởng	
		Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)
1	Tổ chức	246	362.267	252	381.321	6	19.054
	Tỷ lệ %	1,47	8,63	1,42	8,37	2,44	5,26
2	Tư gia	16.473	3.834.939	17.461	4.175.992	988	341.053
	Tỷ lệ %	98,53	91,37	98,58	91,63	6	8,89
	Tổng cộng	16.719	4.197.206	17.713	4.557.313	994	360.107

3.2. Tình hình nợ phải thu tại ngày 31/12/2020 như sau:

- Nợ phải thu ngắn hạn : 9.015.587.564 đồng

Phải thu tiền nước : 1.091.313.752

Phải thu tiền lắp đặt : 4.469.427.425 (Phải thu của Công ty mẹ là: 3.807.140.977 đ)

Phải thu NH khác : 3.454.846.387 (Ký quỹ bảo lãnh công trình và tạm ứng công trình)

- Nợ phải thu dài hạn: 2.112.496.072 đồng (Các công trình lắp đặt trên 12 tháng)
- Nợ phải thu khó đòi: 1.704.619.447 đồng (Đã trích lập dự phòng theo quy định)

4- Công tác tổ chức, lao động và nhân sự:

- Tổ chức, phân công lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Việc bố trí, sắp xếp lao động tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay.
- Tổng số CB, CNV đến thời điểm 31/12/2020 là: 108 người
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2020: 15.734,3 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 11,9 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống CB-CNV. Thực hiện các nội dung về thỏa ước lao động tập thể đã ký với người lao động. Thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và chế độ đối với người lao động được đảm bảo, người lao động an tâm công tác.

5- Công tác Tài chính- kế toán:

Công ty chấp hành quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty trong việc quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích. Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách. Các chỉ số tài chính nằm trong giới hạn cho phép, không có rủi ro về tài chính.

B- BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

1 –Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020:

		Đơn vị tính: đồng
I	Tài sản của Công ty (đến 31/12/2020):	74.927.614.671
1	Tài sản ngắn hạn:	38.685.655.491
	- Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	6.596.443.260
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.600.000.000
	- Nợ phải thu ngắn hạn	8.936.584.949
	- Hàng tồn kho	6.346.535.185
	- Tài sản ngắn hạn khác	206.092.097
2	Tài sản dài hạn:	36.241.959.180
	- Tài sản cố định:	35.623.967.180
	+ Nguyên giá TSCĐ:	100.145.450.415
	+ Giá trị hao mòn trong kỳ	(6.015.853.766)
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	(64.214.945.153)
	- Nợ phải thu dài hạn	615.992.000
	- Tài sản dở dang dài hạn	2.000.000
II	Nguồn vốn của Công ty (đến 31/12/2020):	74.927.614.671
1	Nợ phải trả	33.514.993.708
	- Nợ ngắn hạn	22.398.876.864
	- Nợ dài hạn	11.116.116.844
2	Vốn chủ sở hữu	41.412.620.963
	- Vốn góp của chủ sở hữu	23.450.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	31.510.500
	- Quỹ đầu tư phát triển	7.340.165.441
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.590.945.022

	+ Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	4.973.843.571
	+ Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	5.617.101.451

2- Kết quả kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2020	% so với KH 2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp DV - Doanh thu tiền nước - Doanh thu xây lắp	47.447.099.251 38.163.268.100 9.283.831.151	114,33 % 107,5 % 154,73 %
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.223.054.025	
3	Giá vốn hàng bán	30.233.321.482	110,14%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	17.213.777.769	122,52%
5	Chi phí tài chính	1.357.539.000	90,5%
6	Chi phí bán hàng	4.054.578.367	144,8%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.913.548.850	144%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.111.165.578	119,83%
9	Thu nhập khác	328.565.483	
10	Chi phí khác	287.632.087	
11	Lợi nhuận khác	40.933.396	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.152.098.973	120,63%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	534.997.522	77,54%
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.617.101.451	127,37%
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.988	127,37%

Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty được thể hiện rõ ràng trong Báo cáo tài chính năm 2020, đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Sau khi thẩm định, kiểm tra, đối chiếu từ hệ thống sổ sách kế toán, Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và chính xác các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020.

3- Các chỉ tiêu về tình hình tài chính của doanh nghiệp:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	48,37	53,52
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	51,63	46,48
	Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	%	55,27	53,82
	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	44,73	46,18
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	55,27	53,82
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	lần	0,45	0,46
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	lần	0,8	0,85

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
3	Chỉ tiêu thanh khoản			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,73	1,88
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,44	1,81
4	Chỉ tiêu hoạt động			
	Hệ số vòng quay tổng tài sản	lần	0,62	0,77
	Hiệu quả sử dụng TSCĐ	lần	1,33	1,52
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,03	1,07
5	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	7,35	8,21
	Tỷ suất LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,48	15,79
	Tỷ suất LNST / Doanh thu thuần (ROS)	%	11,84	10,6

Đánh giá:

- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2020 có thay đổi so với năm 2019: tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng lên và hệ số Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm xuống, cho thấy tình hình tài chính Công ty được cải thiện theo hướng tích cực.

- Chỉ tiêu cân nợ tương đối cao (Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 44,73%) nhưng tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của Công ty vẫn trong tầm kiểm soát. Trong năm, Công ty đã tính toán, cân đối các nguồn để thanh toán các khoản nợ vay, đảm bảo sản xuất kinh doanh và an toàn tài chính.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đã giảm đáng kể, Công ty đã thu hồi được các khoản nợ tiền nước, lắp đặt, các khoản công nợ tồn đọng từ năm trước. Tuy nhiên, nợ phải trả ngắn hạn tăng (mua vật tư, nguyên liệu, tiền lương...) nên chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty giảm sút.

- Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của Công ty, tỷ suất sinh lời (ROA, ROE) cũng giảm so với năm 2019. Nguyên nhân do lợi nhuận thực hiện chỉ bằng 77,7% năm 2019. (Sản lượng xây lắp nhận được từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giảm mạnh, theo đó doanh thu xây lắp chỉ bằng 33% của năm 2019).

- Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2020 vẫn tương đối tốt: tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu tăng 1,6%, tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần tăng 1,7% so với năm 2019. Tỷ suất Lợi nhuận /Doanh thu tăng nhờ doanh nghiệp phân đầu tiết kiệm chi phí sản xuất. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, cố gắng ổn định sản xuất và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

- Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 20/4/2020. Cụ thể:

- + Doanh thu xây lắp đạt 154,7% kế hoạch năm, bằng 33,11% so với cùng kỳ
- + Doanh thu tiền nước đạt 107,5% kế hoạch năm, đạt 107,7% so với cùng kỳ
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 120,63% kế hoạch năm, bằng 77,7% so với cùng kỳ
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 127,37% kế hoạch năm, bằng 83,5% so với cùng kỳ
- + Nộp Ngân sách đạt 208% so với kế hoạch năm, bằng 81,9% so với cùng kỳ
- + Tỷ lệ chia cổ tức: dự kiến 15%/VĐL

C- ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên hoạt động chuyên trách: 01 người giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 người giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; đề ra các chủ trương, định hướng phù hợp tình hình Công ty và nhiệm vụ được giao.

- Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành.. đảm bảo cho hoạt động của Công ty một cách tốt nhất.

- Hội đồng quản trị tiến hành các phiên họp định kỳ để trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan việc chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty. Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề như:

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và các Quy chế của Công ty.

- Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Việc thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành có liên quan đến sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cần hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động điều hành, trao đổi thẳng thắn, chỉ ra những vấn đề cần khắc phục, phối hợp chặt chẽ, thống nhất vì mục tiêu phấn đấu hoàn thành Nghị quyết của ĐHCĐ.

2- Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc gồm 03 thành viên (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng) đều thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp; công tác thi công lắp đặt, hoạt động sản xuất của nhà máy nước; công tác đầu tư mua sắm TSCĐ; công tác quản trị doanh nghiệp; chính sách đối với người lao động..., đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông và người lao động.

- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, tìm các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Định kỳ hàng Quý, Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình SXKD, trình bày phương hướng kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và chỉ đạo cho các quý kế tiếp.

3- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Ban quản lý điều hành và cổ đông:

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn cố gắng phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm trước CB-CNV và cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành; không có xung đột về quyền lợi.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông: trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại của cổ đông.

- Trong thời gian qua, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật và phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty. Tuy nhiên, cần phải có sự hợp tác và đồng thuận hơn nữa giữa những người quản lý Công ty để giúp doanh nghiệp luôn ổn định và phát triển.

D- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

1- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được qui định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, việc thực hiện qui chế quản trị nội bộ, qui chế tài chính, các quy chế về quản trị doanh nghiệp...

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XD CB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ của công ty đại chúng..

- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính, đảm bảo tính hợp lệ trong công tác kế toán và quản trị tài chính của doanh nghiệp. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2020. Xem xét các báo cáo soát xét, báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.

- Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung sau:

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 và phân công nhiệm vụ của BKS.

+ Thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2020.

+ Thẩm định BCTC năm 2020. Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo.

2- Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và được phân công nhiệm vụ như sau:

- *Đỗ Thị Thúy Hằng (Trưởng BKS):* Chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban kiểm soát. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, công tác tài chính của Công ty. Phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS. Tổng hợp và lập các báo cáo của BKS.

- *Ngô Thị Đài Trang (Thành viên BKS):* Kiểm tra chi phí SXKD của Công ty qua báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm tra, xem xét việc thực hiện nghĩa vụ của công ty đại chúng; việc thực hiện các quan hệ, nghĩa vụ của Công ty với cổ đông, nhà đầu tư.

- *Đặng Thị Thắm (Thành viên BKS):* Kiểm tra doanh thu, công nợ phải thu. Kiểm tra hồ sơ của các công trình lắp đặt, việc ký kết và thực hiện các hợp đồng lắp đặt. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

3- Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020:

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo mức tiền lương, thù lao đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Tổng hợp tiền lương, thù lao năm 2020 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao Năm 2020	Tiền lương Năm 2020
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS		288.000.000
2	Ngô Thị Đài Trang	TV BKS	60.000.000	
3	Đặng Thị Thắm	TV BKS	60.000.000	

(Mức lương và thù lao trên bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và Công ty đã trừ thuế TNCN theo qui định)

E- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Phân công, phân nhiệm các thành viên trong Ban để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2021.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần.

- Giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Giám sát việc thực hiện qui chế nội bộ về quản trị Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ cổ đông, báo cáo và công bố thông tin của công ty cổ phần, các nghĩa vụ của công ty đại chúng.

- Xem xét các kiến nghị của Hội đồng quản trị và cổ đông (nếu có) đối với Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động doanh nghiệp. Phối hợp kiểm tra thực hiện các quy chế hoạt động của Công ty.

- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn. Hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng, giao dịch trên sàn chứng khoán.

- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

- Phấn đấu nâng cao năng lực của từng thành viên trong Ban kiểm soát, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai và đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Đỗ Thị Thúy Hằng

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện; Báo cáo tài chính đã kiểm toán bao gồm các nội dung: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty; Báo của Kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2020, đã kiểm toán).

Công ty đã thực hiện công bố thông tin các nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán theo đúng quy định và đã được đăng tải trên Website của Công ty; (<http://dvxcdn.vn> - mục: quan hệ cổ đông).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Dẫn thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

30/01/2021
CỔ
CƠ
19/01/2021
ÁP
ÔN
HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ
XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI

Số: 181/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021



Trịnh Thanh Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.685.655.491	36.225.103.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110
1. Tiền	111		2.296.443.260	7.905.024.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16.600.000.000	13.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.600.000.000	13.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.936.584.949	10.492.844.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	5.560.741.177	10.240.281.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.112.760	217.276.849
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.454.846.387	185.211.406
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(208.115.375)	(149.925.197)
IV. Hàng tồn kho	140		6.346.535.185	1.270.232.457
1. Hàng tồn kho	141	4.6	6.346.535.185	1.270.232.457
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.092.097	257.002.860
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	206.092.097	257.002.860
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.241.959.180	41.715.343.504
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		615.992.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	2.112.496.072	1.522.275.348
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.5	(1.496.504.072)	(1.522.275.348)
II. Tài sản cố định	220		35.623.967.180	41.715.343.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	35.590.505.262	41.568.759.028
Nguyên giá	222		99.805.450.415	99.767.850.415
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.214.945.153)	(58.199.091.387)
2. Tài sản cố định vô hình	227		33.461.918	146.584.476
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(306.538.082)	(193.415.524)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.927.614.671	77.940.447.149

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.514.993.708	35.991.201.124
I. Nợ ngắn hạn	310		22.398.876.864	19.250.084.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	2.886.051.170	802.754.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	3.142.685.805	608.182.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	474.856.219	589.056.343
4. Phải trả người lao động	314	4.11	4.191.598.551	3.180.035.332
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		730.331.982	3.067.317.065
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	5.625.000.000	5.625.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	5.348.353.137	5.377.738.624
II. Nợ dài hạn	330		11.116.116.844	16.741.116.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331		84.866.844	84.866.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	10.781.250.000	16.406.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.412.620.963	41.949.246.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	41.412.620.963	41.949.246.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	23.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.14.5	7.340.165.441	6.331.347.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.590.945.022	12.136.387.596
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.973.843.571	5.410.937.519
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.617.101.451	6.725.450.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		74.927.614.671	77.940.447.149



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.447.099.251	63.451.975.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.927.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.447.099.251	63.448.048.745
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.233.321.482	44.523.481.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.213.777.769	18.924.567.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.223.054.025	524.147.984
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.357.539.000	1.746.163.000
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.357.539.000	1.746.163.000
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.054.578.367	3.311.212.784
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	6.913.548.850	6.523.800.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.111.165.577	7.867.538.441
11. Thu nhập khác	31		328.565.483	45.808.975
12. Chi phí khác	32		287.632.087	2.232.086
13. Lợi nhuận khác	40		40.933.396	43.576.889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.152.098.973	7.911.115.330
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	534.997.522	1.185.665.253
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.617.101.451	6.725.450.077
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	1.988	2.380
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	1.988	2.380



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.152.098.973	7.911.115.330
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	6.128.976.324	10.101.268.460
Các khoản dự phòng	03	5.7	32.418.902	(887.175.298)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.223.054.025)	(569.602.529)
Chi phí lãi vay	06		1.357.539.000	1.746.163.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.447.979.174	18.301.768.963
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		701.756.270	10.649.575.919
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.076.302.728)	(973.477.185)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.280.442.067	(842.102.097)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.357.539.000)	(1.746.163.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(269.758.658)	(2.191.775.062)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.493.112.000)	(1.548.818.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.233.465.125	21.649.009.538
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.600.000)	(239.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.300.000.000)	(13.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.223.054.025	524.147.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.116.545.975)	(12.969.897.471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(5.625.000.000)	(5.625.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.800.500.000)	(5.862.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.425.500.000)	(11.487.500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.308.580.850)	(2.808.387.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.905.024.110	13.713.412.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Biên Hoà, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Số: 04/2021/TTr-HĐQT-DVW

TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021 và quy chế sử dụng các quỹ như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020 :
Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000	
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN năm 2020	5.617.101.451	
3	Trích lập các quỹ	2.003.130.436	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	842.565.218	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	842.565.218	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (10%)	561.710.145	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	224.684.058	
	+ Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	56.171.015	
c	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	318.000.000	
4	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (*) Dự kiến	12%	
	Số tiền chia cổ tức	2.814.000.000	
5	Lợi nhuận còn lại năm 2020 chuyển sang	799.971.015	
6	Lợi nhuận còn lại các năm trước	4.973.843.571	
7	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021	5.773.814.586	

(*) Ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2020

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021



II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2021 :
Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000	
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	5.928.300.000	
3	Trích lập các quỹ	2.048.490.000	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	889.245.000	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	889.245.000	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (10%)	592.830.000	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	237.132.000	
	+ Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	59.283.000	
c	- Quỹ thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	270.000.000	
4	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (%) Dự kiến	15%	
	Số tiền chia cổ tức	3.517.500.000	
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	5.773.814.586	
6	Lợi nhuận còn lại năm 2021 chuyển năm sau	362.310.000	
7	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2022	6.136.124.586	

III. Quy chế sử dụng các quỹ sau khi trích lập

1. Quỹ đầu tư phát triển :

Được dùng để :

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Công ty;
- Đầu tư xây dựng vào các dự án của Công ty;
- Bổ sung vốn kinh doanh Công ty.

2. Quỹ khen thưởng :

Được dùng để :

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi :

Được dùng để:

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty, trong nội bộ ngành cấp nước, hoặc theo chủ trương của cấp trên.

- Ngoài ra còn được sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

4. Quỹ thưởng của người quản lý: Thưởng cho người quản lý Công ty.

5. Quỹ khen thưởng và phúc lợi: khi sử dụng phải phù hợp với qui định của Hội đồng Quản trị, và Công đoàn cơ sở Công ty. Công ty không được phép chi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

6. Lợi nhuận còn lại, chuyển sang năm sau: Dự phòng lợi nhuận cho năm sau hoặc tích lũy để cân đối tỷ lệ cổ tức các năm sau.

Trên đây là phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ và qui chế sử dụng các quỹ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



TỜ TRÌNH

*V/v : Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020.

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% So với KH
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	5.413.108	5.794.719	107,5
2	Sản lượng nước sản xuất	m ³	4.499.000	4.804.265	106,79
3	Doanh thu	đồng	41.650.000.000	48.998.718.759	117,64
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.100.000.000	6.152.098.973	120,63
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.410.000.000	5.617.101.451	127,37
6	Tổng số phải nộp NSNN	đồng	3.000.000.000	6.239.772.951	207,99

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

Trong năm 2020, được sự giúp đỡ và hỗ trợ từ HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, sự ủng hộ của các Sở ban ngành của Tỉnh, UBND các cấp, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CB-CNV và người lao động, HĐQT, Ban điều hành Công ty đã phát huy được sức mạnh của tập thể, xây dựng nội bộ đoàn kết, thực hiện và hoàn thành vượt mức các

chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

Năm 2020, công ty đã thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra, tuy nhiên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD cũng còn có những hạn chế nhất định do những nguyên nhân chủ quan và khách quan mang lại. Vì vậy trong năm 2021 HĐQT sẽ tập chung chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người quản lý khác của công ty chủ động khắc phục triệt để những hạn chế, đổi mới tư duy, tập trung điều hành hoạt động của công ty vượt qua những khó khăn, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng nội bộ đoàn kết, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và mục tiêu nhiệm vụ SXKD mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra..

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	5.960.937
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	4.954.654
3	Doanh thu	đồng	48.409.300.000
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.628.300.000
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.928.300.000
6	Tỷ suất LN sau thuế /TNDN/VCSH	%	14,24
7	Phát sinh nợ ngắn sách nhà nước	đồng	6.500.000.000
8	Đầu tư XDCB	đồng	3.000.000.000

2. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Về điều hành sản xuất, cung cấp nước và chống thất thoát nước.

1.1 Công tác sản xuất và cung cấp nước:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc thực hiện đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực chưa có nước. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

- Lập kế hoạch, phương án phân vùng cấp nước để kiểm soát và vận hành mạng lưới cấp nước hiệu quả. Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2021 xuống dưới 16%.

- Quản lý chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo sản xuất an toàn; Thực hiện các qui định về khai thác tài nguyên nước, xử lý, xả thải, bảo

vệ môi trường... quản lý chặt chẽ chất lượng nước nguồn và nước cấp theo quy định.

- Khai thác có hiệu quả nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày trên cơ sở thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật về quản lý hệ thống cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn cho khách hàng.

- Triển khai phương án thu hồi đất mở rộng nhà máy nước Hóa An theo quy định; Thực hiện cải tạo Nhà máy nước Hóa An hiện hữu, cải tạo nâng công suất nhà máy nước hiện hữu nâng khả năng cấp nước, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư và doanh nghiệp trên địa bàn hiện nay và nhu cầu sử dụng nước trong thời gian tới theo đúng quy định.

1.2 Công tác ghi thu:

- Cải tiến công tác ghi thu, công tác kiểm ghi, kiểm thu, thực hiện ghi đúng thu đủ và. Quản lý công tác ghi thu theo đúng Quy trình ghi thu tiền nước đã ban hành và thực hiện.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý ghi thu trong việc xử lý, điều chỉnh chỉ số tiêu thụ nước và hóa đơn tiền nước cho đúng quy định. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thu hộ tiền nước, Phòng Tài chính kế toán, Trạm giao dịch Hóa An thực hiện theo dõi công nợ của khách hàng, hạn chế thấp nhất tỷ lệ tồn thu, giảm công tác cúp, mở nước.

- Phát triển các kênh nhờ thu đa dạng, thực hiện liên kết với các Ngân hàng trong tỉnh Đồng Nai về thu hộ tiền nước để hỗ trợ khách hàng, tạo thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước.

- Thường xuyên kiểm tra công tác ghi thu. Phát huy hiệu quả việc ghi chỉ số nước bằng Smartphone. Hoàn thiện nghiệp vụ giao dịch khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

1.3 Công tác phòng chống thất thoát nước:

- Thực hiện công tác khảo sát, kiểm tra đánh giá hiện trạng mạng lưới cấp nước để lập kế hoạch phân vùng tách mạng phục vụ cho công tác quản lý và chống thất thoát nước. Tăng cường công tác quản lý kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước, đồng hồ và ống nhánh khách hàng, phòng chống thất thoát qua đồng hồ khách hàng, xử lý kịp thời các sự cố ống bể.

- Sửa chữa, thay thế các đường ống cũ, lâu năm thường xuyên bị rò rỉ, xì, bể... Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực đường ống, hạn chế sự cố kỹ thuật làm bể, hư hỏng ống nước và thiết bị trên mạng lưới cấp nước.

- Tập trung thực hiện triệt để và đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước, nâng cao hiệu quả hoạt động. Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện giảm thất thoát. Học tập kinh nghiệm chống thất thoát từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các doanh nghiệp cùng ngành.

- Thực hiện quy trình công tác lắp đặt chặt chẽ, hợp lý, nhanh gọn đảm bảo an toàn và tiết kiệm; cải tiến các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ lắp đặt mới Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc

thi công lắp đặt, cải tạo thay thế tuyến ống cấp nước đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và phù hợp quy hoạch.

2. Về quản trị chi phí sản xuất.

- Xây dựng định mức chi phí sản xuất cho từng thời kỳ, từng giai đoạn sản xuất và quản lý sản xuất; Thực hiện công tác đầu tư theo đúng mục đích và yêu cầu đối với các tài sản cố định, máy móc thiết bị sản xuất và trang thiết bị quản lý theo đúng quy định.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, chi phí sử dụng điện, chi phí nhân công... trong qui trình sản xuất nước tại nhà máy và trong công tác thi công lắp đặt.

- Vận hành và phân bổ áp lực nước hợp lý để tiết kiệm điện năng. Thay thế, trang bị các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý, tốn ít điện năng tiêu thụ, đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất. Khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích hoặc sáng kiến trong lao động sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm...

3. Về quản trị kinh doanh:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư XD CB, đầu tư TSCĐ, việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước và chính sách đối với người lao động, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp... Tăng cường chỉ đạo, giám sát mảng hoạt động xây lắp và hoạt động sản xuất nước và các hoạt động khác của Công ty theo quy định.

4. Về quản trị tài chính

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí đầu tư tài sản cố định, công cụ, giá mua hàng hoá, nguyên vật liệu.. Tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn chủ, vốn vay sao cho hiệu quả, phù hợp với mục tiêu sử dụng.

- Tính toán, cân đối các khoản nợ và nguồn trả nợ đến hạn, quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính. Tập trung tích lũy vốn để gia tăng tiềm lực tài chính. Sử dụng nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: thực hiện đầu tư theo phân kỳ, theo kế hoạch sử dụng vốn phù hợp với từng giai đoạn phát triển. sử dụng vay vốn với lãi suất ưu đãi hỗ trợ cho các dự án đầu tư hệ thống cấp nước.

5. Về quản trị nguồn nhân lực

- Tổ chức sắp xếp, bố trí lực lượng lao động sao cho phù hợp và hiệu quả theo cơ cấu tổ chức bộ máy và kế hoạch sử dụng nguồn nhân sự cho quản lý và sản xuất.

- Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại CB.CNV để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Chú trọng việc đào tạo và tuyển dụng đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn cao. Xây dựng kế hoạch về nguồn nhân lực cho năm kế hoạch và những năm kế tiếp.

- Xây dựng quy chế trả lương, thưởng phù hợp theo chức danh công việc, đãi ngộ người lao động nhân có tay nghề cao, có năng lực, trình độ ... thu hút người hiền tài, phát huy tốt trí lực, kỹ năng, giúp người lao động an tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

6. Công tác Quản lý, thi công lắp đặt hệ thống cấp nước:

- Chủ động tìm kiếm, ký kết các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty. Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các công trình, dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước của các khu dân cư và đô thị trên địa bàn Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí sử dụng máy thi công. Quản lý vật tư, thiết bị, công cụ lao động. Kiểm soát chi phí nhân công thuê ngoài; nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt.

7. Về ứng dụng công nghệ cho sản xuất, quản lý doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm ứng dụng cho sản xuất, quản lý hệ thống cấp nước, mạng lưới phân phối, quản lý khách hàng, quản lý nhân sự và quản lý Tài chính - kế toán, quản lý dự án và quản lý sản xuất.

Trên đây là dự thảo phương hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

Biên Hoà, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Số: 05/2021/TTr-BKS-DVW



TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty niêm yết theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Đồng thời kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 Công ty trong số các Công ty theo danh sách trên để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

Đỗ Thị Thúy Hằng

TỜ TRÌNH

*V/v Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội V/v hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Căn cứ kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

1/ Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thực hiện năm 2020:

- Tiền lương của HĐQT chuyên trách: 384.000.000 đồng

- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách: 288.000.000 đồng

- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 288.000.000 đồng

2/ Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tạm ứng (đồng/người/ tháng)	Mức thù lao (đồng/người/ tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	38.000.000	
2	Thành viên HĐQT	2		7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	19.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
5	Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký HĐQT	1		4.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội).

Trên đây là Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV. HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Số: 08/TT-HDQT-DVW

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Điều lệ sửa đổi
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉnh sửa Điều lệ Công ty theo quy định; (Đính kèm dự thảo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV.HDQT, BKS Công ty;
- BGD Công ty;
- Lưu VT-HDQT.

D:\TUONG\DHCD2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-III-



DỰ THẢO:

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Tháng 4/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	29
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 32. Người điều hành Công ty	30
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	30
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	31
Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	32
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát	32
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	32
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	34
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	34
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng	35
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan	35
Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	35
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	38
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	38
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	38

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 49. Năm tài chính	40
Điều 50. Chế độ kế toán	40
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	40
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN.....	40
Điều 53. Kiểm toán	40
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	41
Điều 54. Dấu của Công ty	41
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	41
Điều 55. Giải thể Công ty	41
Điều 56. Thanh lý.....	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	44
Điều 59. Hiệu lực	44

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã hán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

d. “Người quản lý” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.

đ. “Người điều hành” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

e. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

h. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

k. “Cổ đông phổ thông” là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;

l. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

m. “Công ty mẹ” là Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

n. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- Tên tiếng Anh: Dong Nai Water Supply Services and Construction Joint Stock Company.

- Tên Công ty viết tắt: DWCS

- Logo của Công ty:



2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Số 52 – đường Cách Mạng Tháng Tám - Phường Quyết Thắng – Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ trụ sở chính: 52 - Cách Mạng Tháng Tám - Phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: +84 0251 3847241

- Fax: +84 0251 3840797

- E-mail: dvxcdn@yahoo.com.vn

- Website: <http://www.dvxcdn.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 55 Điều lệ này, Công ty hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình công ích : Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm.	4220
2	Xây dựng nhà các loại : Xây dựng công trình dân dụng.	4100
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác : Xây dựng công trình công nghiệp.	4290
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí : Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm.	4322
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan : Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng.	7110
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại : Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở).	2511
7	Khai thác, xử lý và cung cấp nước : Khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.	3600

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả nhất; không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 23.450.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.345.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này.
- đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng;
- k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và theo khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ này;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần; Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 43 Điều lệ này;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại **khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp**.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại **điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này**.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

3. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- d. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- đ. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **03** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 4 Điều 24 Điều lệ này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận;

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này;

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong **thời hạn 60 ngày** kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

đ. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 43 Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc và người điều hành khác; cử người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;
- k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc và người điều hành khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Người quản lý; Người đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ;

- Người quản lý; Người đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên Ban kiểm soát của Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Trưởng, Phó đơn vị trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 03 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Người quản lý; Người đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ;

- Người quản lý; Người đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và bán niên của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hợp đồng;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

ngiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với Công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của Công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các trường hợp sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này.

5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản

trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.

6. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

b. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:

a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH

VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các tổ chức này thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.

b. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;

- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản Công ty.

d. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

đ. Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

Điều 56. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c. Nợ thuế;

- d. Các khoản nợ khác;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với nội dung trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai thông qua tại Nghị quyết số .../NQ-DVW ngày/04/2021 thay thế cho Điều lệ ngày 27/4/2018.
2. Điều lệ này được lập thành 07 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Phạm Ngọc Tú

Số: 09 /TTr-HDQT-DVW

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định; (Dự thảo đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV.HDQT, BKS Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Lưu VT-HDQT.

Đ./HUONG/DHCD2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-❏-



DỰ THẢO:

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Biên Hòa, tháng 4/2021

QUY CHẾ

Nội bộ về quản trị Công ty

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2021/QĐ-DVW ngày/.../2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai)

Điều 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày/4/2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/..... ngày/...../2021.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và về công tác quản trị chưa được quy định trong Điều lệ Công ty.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Công ty.
 - b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty.
 - c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty.
 - d. Việc cổ đông kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp theo khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ Công ty. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

e. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ trực tiếp hoặc gửi Giấy đăng ký/ ủy quyền tham dự họp (theo mẫu đính kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) về Công ty.

Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp.
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

g. Điều kiện tiến hành họp theo Điều 17 Điều lệ Công ty.

h. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải ký tên vào phiếu biểu quyết trước khi chuyển phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm phiếu.

i. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua theo khoản 1, khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.

k. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập và công bố thông tin theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Công ty.

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty.

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Điều kiện tham gia:

+ Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

+ Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

- Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo điểm c Khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

- Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Công ty Lưu ký và Bảo trữ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

- Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty,

- Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

+ Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

+ Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.

* Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

* Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.

+ Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

+ Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

đ. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định theo Điều 17 Điều lệ Công ty.

e. Hình thức thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến:

- Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo điểm 1 khoản 3 Điều này.

- Hoặc hình thức khác do Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến quy định.

g. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Nguyên tắc:

+ Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp;

+ Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa.

- Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:

+ Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;

+ Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời sau

h. Cách thức bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **tán thành, không tán thành** hoặc **không ý kiến** đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

+ Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Căn cứ điều lệ Công ty việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (“Bầu dồn đều” hoặc “Bầu ghi số”). Theo đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách chọn vào ô “Bầu dồn đều” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

+ Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó.

+ Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó.

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của cuộc họp.

+ Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.

+ Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông

i. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ

thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

k. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại điểm i khoản 3 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Kết quả và số liệu sẽ được xuất ra các File mềm và bản cứng và sẽ được lưu trữ tại Công ty.

l. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

m. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

n. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng:

- Trong thời gian Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền...

- Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

4. Triệt tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Công ty.

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty.

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm e khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều này.

c. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo điểm c khoản 3 Điều này.

d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm d khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm d khoản 3 Điều này.

đ. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo Điều 17 Điều lệ Công ty

e. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm e khoản 3 Điều này.

g. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo điểm g khoản 3 Điều này.

h. Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm h khoản 3 Điều này.

i. Cách thức kiểm phiếu;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm i khoản 3 Điều này.

k. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại điểm i khoản 4 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

l. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội cổ đông là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

m. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2, khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Danh sách ứng cử viên để bầu Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

c. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

5. Công ty công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên website của Công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Am hiểu về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Có đơn từ chức;

c. Vi phạm nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty;

d. Không hoàn thành nhiệm vụ;

e. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Công ty công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trên website của Công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty.

2. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát theo khoản 2, khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a. Danh sách ứng cử viên để bầu Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

c. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

5. Công ty công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trên website của Công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Công ty và quy định sau:

a. Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Trường hợp Giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát và Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp Ban Kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban Kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b. Biên bản họp của Ban Kiểm soát có sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị thì phải gửi văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

4. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Giám đốc phải lập báo cáo gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về:

- a. Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- b. Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- c. Việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền.

5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc:

a. Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc trong việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban Kiểm soát giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thực hiện phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát.

d. Hội đồng quản trị tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại Công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của Công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban Kiểm soát được biết. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và phải có văn bản thông báo đến Hội đồng quản trị về việc tham gia này.

e. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 05 ngày làm việc.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra người đại diện phần vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên và yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động tại các công ty thành viên thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị 05 ngày làm việc trước khi thực hiện, trong đó ghi rõ nội dung cần kiểm tra, kiểm soát.

Điều 8. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác

1. Đánh giá hàng năm:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Khen thưởng:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích quỹ khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định việc chi thưởng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác.

3. Kỷ luật:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Ban Kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Ban Kiểm soát nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với Giám đốc và người điều hành nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kéo dài thời hạn nâng bậc lương, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các Trưởng, Phó các đơn vị và các cán bộ - nhân viên có liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

Số: 10 /TTr-HDQT-DVW

Biên Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định; (Đính kèm dự thảo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cổ đông Công ty;
 - TV.HDQT, BKS Công ty;
 - BGD Công ty;
 - Lưu VT-HDQT.
- D:/HUONG/DHCD2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-📖-



DỰ THẢO:

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Biên Hòa, tháng 4/2021

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT-DVW ngày...tháng ...năm 2021 của
Hội đồng quản trị Công ty CP dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai)*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại
chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai
được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày/...../2021;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số...../NQ-ĐHĐCĐ
ngày...../...../2021.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng
Nai ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định chi tiết một số nội dung về tổ
chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị,
các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên
quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được giải thích tại Điều 1
Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo và quyết định theo đa số.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Mọi thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh của Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Giám đốc.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế này trong đó có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó phải báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với pháp luật, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

c) Chấp thuận việc thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước sử dụng nguồn kinh phí của Công ty;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm đối với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; ký hợp đồng ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty với người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác;

e) Được chủ động thay mặt Hội đồng quản trị ký hồ sơ, giải quyết các công việc và báo cáo kết quả với Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất:

- Ký các quyết định:

+ Quyết định về việc chấp thuận cho người lao động tại Công ty đi nước ngoài;

+ Quyết định về việc giải quyết chế độ hưu trí đối với cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

+ Quyết định về việc mức chi, thời điểm chi lương, chi khen thưởng cho người quản lý điều hành theo quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Quyết định về việc thành lập, kiện toàn các ban, hội đồng, tổ, nhóm công tác tại Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

+ Quyết định về việc ban hành quy chế, quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đội trực thuộc Công ty

+ Quyết định về việc đánh giá kết quả bình bầu các danh hiệu thi đua khen thưởng của Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết;

+ Quyết định về việc cử người đại diện phần vốn, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành, thành viên Ban Kiểm soát tham gia đào tạo, tập huấn, học tập, trao đổi kinh nghiệm;

- Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Giám đốc Công ty liên quan đến người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;

+ Phê duyệt kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ, người lao động hàng năm;

+ Thông qua danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cấp Công ty, danh sách giới thiệu cán bộ quy hoạch là người đại diện phần vốn của Công ty;

- Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Trường nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết liên quan đến kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của người quản lý, người lao động tại các Công ty con, Công ty liên kết;

- Ký các báo cáo, thông báo, văn bản có liên quan việc xác nhận chữ ký, xác nhận quá trình công tác, mức lương, sơ yếu lý lịch, tờ khai, kết quả đánh giá, công khai quy hoạch, công khai minh bạch tài sản, thu nhập, đi nước ngoài liên quan đến nhóm người đại diện phần vốn, Ban quản lý điều hành, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty;

g) Ký các văn bản khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.

3. Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật, Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông quy định và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Thông qua đề xuất đơn giá nước với các cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước theo đề nghị của Giám đốc;

b) Quyết định phương án liên doanh, liên kết với đơn vị khác;

c) Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định nội bộ về quản trị của Công ty, ngoại trừ các quy chế, quy định sau:

- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy trình kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Nội quy lao động của Công ty, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty;
- Quy định về công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty;
- Quy định về công tác đào tạo, huấn luyện tại Công ty;
- Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc;
- Quy chế đối thoại tại nơi làm việc;
- Quy chế tổ chức hội nghị người lao động;
- Quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin và bảo mật hồ sơ tài liệu của Công ty;
- Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và tiêu đề văn bản của Công ty;
- Các quy chế, quy định mà Hội đồng quản trị ủy quyền cho Giám đốc phê duyệt, ban hành;

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 7. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Cán bộ của các tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử cán bộ Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết.

2. Các tiểu ban làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 9. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả các thành viên dự họp.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 10. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định hiện hành và được tính vào chi phí quản lý của Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.

2. Ngoài chi phí thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị còn bao gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở trong thời gian họp;

- Chi phí tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước;
- Chi phí tư vấn.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị được lập kế hoạch trong tổng chi phí hàng năm của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 13. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các đơn vị, chi nhánh của Công ty

1. Hội đồng quản trị không trực tiếp quản lý đối với các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Công ty. Giám đốc Công ty quản lý đối với các đơn vị này và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động cũng như các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin theo Điều 5 của Quy chế này.

Điều 14. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công, trường hợp đặc biệt phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xem xét giải quyết.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 15. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 16. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, người đại diện phần vốn của Công ty, Trưởng/phụ trách các phòng, ban, đội, chi nhánh và những người có liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 11 /TTr-BKS-DVW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Ban kiểm soát công ty đã sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo quy định; (Đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV.HĐQT Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT./.

D:/HUONG/DHCD2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đỗ Thị Thúy Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-M-



DỰ THẢO
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số :...../QĐ-BKS ngày tháng năm 2021 của
Ban kiểm soát Công ty)*

Tháng 4/2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2021/NQ-DVW ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy

định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Tham gia đóng góp ý kiến dự thảo các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh.
10. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
13. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
14. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
15. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

16. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

18. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

19. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

20. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

21. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

22. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

23. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

24. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

25. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

26. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành trên tinh thần phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Điều 21. Mối quan hệ với các phòng, ban, đội, chi nhánh trực thuộc

Ban kiểm soát và các đơn vị phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trên tinh thần phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23: Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế:

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới và Điều lệ của Công ty khác với nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai bao gồm 07 Chương 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đỗ Thị Thúy Hằng

Số: /2021/BB-ĐHCĐ-DVW

Biên Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

A- THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2021 (Thứ hai).
- Địa điểm: tại Hội trường Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, số 52 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

B- THÀNH PHẦN THAM DỰ :

Ngay thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời: cổ đông
- Tham dự Đại hội có cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền, tương đương cổ phần, chiếm tỷ lệ % / Vốn điều lệ.

C. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I/ Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

1/ Đại hội đã nghe Ông Trần Chiến Thắng - Phó Giám đốc Công ty đọc Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự Đại hội.

2/ Đại hội đã nghe Ông Lê Chí Nguyên Thăng - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự: cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự: 2.345.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tại thời điểm khai mạc Đại hội có cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền, tương đương cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đủ điều kiện để khai mạc và tiến hành theo quy định.

II/ Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông:

1/ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

2/ Thông qua danh sách Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội:

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Chủ tịch HĐQT

3/ Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm 01 người :

1. Bà Nguyễn Thị Tân Hường

4/ Ban tổ chức Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí 100 % (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội) thông qua tờ trình đề cử Ban kiểm phiếu gồm 3 người:

1. Ông Lê Chí Nguyên Thăng - Trưởng ban.

2. Ông Nguyễn Văn Vũ - Thành viên

3. Ông Lê Quốc Hùng - Thành viên.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

Kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của các cổ đông dự họp để báo cho Ban Thư ký để ghi vào Biên bản Đại hội.

5/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

III/ Nội dung chính và diễn tiến Đại hội:

1/ Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo như sau:

1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2020.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.

1.3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

1.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020.

1.5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

1.6. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

1.7. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

1.8. Các Tờ trình Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2/ Đại hội sau khi nghe các nội dung, cổ đông đã thảo luận và biểu quyết:

2.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020; kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021:

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.5. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.7. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Phân biểu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Phân hiệu quyết:

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.9. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.10. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

IV- THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc ... giờ ... phút ngày **26/4/2021**.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội. Đại hội đã nhất trí biểu quyết ... %/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: <http://www.dvxdcn.com>; mục: Quan hệ cổ đông.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Thị Tân Hương

Nguyễn Anh Tuấn

Số: /2021/NQ-ĐHCD-DVW

Biên Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai ngày 26/4/2021.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bắt đầu lúc **08 giờ 30 phút** ngày **26/4/2021** và kết thúc lúc ... giờ ... phút ngày **26/4/2021**.

Đến dự Đại hội có ... cổ đông, sở hữu cổ phần, chiếm tỷ lệ %/ vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Sau khi nghe các báo cáo theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020.
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.
3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021:

4.1 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020: ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000	
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN năm 2020	5.617.101.451	
3	Trích lập các quỹ	2.003.130.436	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	842.565.218	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	842.565.218	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (10%)	561.710.145	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	224.684.058	
	+ Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	56.171.015	
c	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	318.000.000	
4	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (*)	12%	
	Số tiền chia cổ tức	2.814.000.000	
5	Lợi nhuận còn lại năm 2020 chuyển sang năm 2021	799.971.015	
6	Lợi nhuận còn lại các năm trước	4.973.843.571	
7	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021	5.773.814.586	

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo quy định.

4.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021:

ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000	
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	5.928.300.000	
3	Trích lập các quỹ	2.048.490.000	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	889.245.000	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	889.245.000	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (10%)	592.830.000	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	237.132.000	
	+ Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	59.283.000	
c	- Quỹ thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	270.000.000	
4	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (%) Dự kiến	15%	
	Số tiền chia cổ tức	3.517.500.000	

5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	5.773.814.586	
6	Lợi nhuận còn lại năm 2021 chuyển năm sau	362.310.000	
7	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2022	6.136.124.586	

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

5.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% So với KH
1	Sản lượng sản xuất nước	m ³	5.413.108	5.794.719	107,05
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	4.499.000	4.804.265	106,79
3	Doanh thu	đồng	41.650.000.000	48.998.718.759	117,64
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.100.000.000	6.152.098.973	120,63
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.410.000.000	5.617.101.451	127,37
6	Tổng số phải nộp NSNN	đồng	3.000.000.000	6.239.772.951	207,99

5.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng sản xuất nước	m ³	5.960.937
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	4.954.654
3	Doanh thu	đồng	48.409.300.000
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.628.300.000
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.928.300.000
6	Tỷ suất LN sau thuế TNDN/ VCSH	%	14,24
7	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	6.500.000.000
8	Đầu tư XDCB	đồng	3.000.000.000

6. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

7. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

7.1. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

- Tiền lương của HĐQT chuyên trách: 384.000.000 đồng
- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách: 288.000.000 đồng
- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 288.000.000 đồng

7.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tạm ứng (đồng/người/tháng)	Mức tiền thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	38.000.000	
2	Thành viên HĐQT	2		7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	19.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
5	Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký HĐQT	1		4.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội).

8. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

- Đại hội Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty chủ động rà soát thực hiện sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo đúng quy định.

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban giám đốc Công ty thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 26/4/2021; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Công ty CP cấp nước Đồng Nai;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT.HĐQT.

Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ/GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Dành cho cổ đông cá nhân hoặc tổ chức)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Tên cổ đông/Tổ chức:.....

Mã số CD:

Họ tên người đại diện (Cổ đông pháp nhân):

Số CMND/ Hộ chiếu hoặc ĐKKD:..... Cấp ngày:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Tổng số cổ phần sở hữu : **cổ phần**

Căn cứ Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, tôi xin xác nhận như sau :

☐ **Đăng ký tham dự họp**

☐ **Ủy quyền tham dự cho Ông/Bà dưới đây:**

Ông/Bà:Mã số CD(nếu có):.....

Họ tên người đại diện (Cổ đông pháp nhân):

Số CMND/ Hộ chiếu hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Hoặc ủy quyền cho:

☐ Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ & XD cấp nước Đồng Nai

☐ Ông Trần Chiến Thắng - TV HĐQT CTCP Dịch vụ & XD cấp nước Đồng Nai

☐ Ông Đặng Nguyễn Thanh An – TV- HĐQT CTCP Dịch vụ & XD cấp nước Đồng Nai

Được quyền thay thế tôi/công ty chúng tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được tổ chức vào lúc 08h30, ngày 26/4/2021 (Thứ Hai).

Giấy ủy quyền có giá trị đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ THAM DỰ/ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)
(Đóng dấu nếu là tổ chức)

.....ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 2021



GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(Dành cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Căn cứ Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Chúng tôi là những cổ đông sở hữucổ phần, chiếm% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):

CMND/CCCD số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ :

Số cổ phần ủy quyền:cổ phần.

***Nội dung ủy quyền:**

Được quyền thay mặt chúng tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai, tổ chức vào lúc 08h30 ngày 26/4/2021 (Thứ hai)

Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện các nội dung trong phạm vi được ủy quyền theo giấy ủy quyền này và không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

Giấy ủy quyền này có giá trị đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền trên.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký tên trong Danh sách kèm theo)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN THEO NHÓM
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

(Ủy quyền cho Ông/Bà:.....)

STT	Họ tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
	Tổng cộng				



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG :.....

Họ và tên Cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu:

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....

Tổng số lượng cổ phần đại diện:.....cổ phần.

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2020 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Cty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Biên Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và Ghi rõ họ tên)

